

Bản án số: 38/2023/HS-ST

Ngày: 24-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Chung;

2. Ông Lương Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Lê Khánh L**, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 447/2019/HS-ST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2020, chấp hành xong án phí sơ thẩm ngày 11/02/2020.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Lê Trung H**, sinh năm 2001 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn D, sinh năm 1958 và bà Lê Thị C, sinh năm 1967; có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 10/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 78/QĐ-TA ngày 10/12/2020 thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 12/12/2021.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 2000 tỉnh Trà Vinh; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1982; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Trung Q**, sinh năm 1997 tại tỉnh Trà Vinh; hộ khẩu thường trú: Ấp 11, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Võ Thị P, sinh năm 1961; có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/10/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 59/2014/HSST. Ngày 09/4/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 14/2015/HSPT và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 01/4/2015 và án phí hình sự phúc thẩm ngày 11/6/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2019.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Tô Thị G, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường D, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Nguyễn Thị X, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Nhã T, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Khánh L, Nguyễn Trung Q, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Lê Trung H là bạn bè với nhau. Trong ngày 27/4/2022, L, Q, T và H đã cùng nhau thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ 1: Khoảng 11 giờ, ngày 27/4/2022, L đang ăn cơm trưa cùng Q và T tại khu vực chợ P thuộc phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì L rủ Q và T đi cướp giật tài sản để đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Q và T đồng ý. Sau đó, L sử dụng điện thoại di động hiệu Vivo của mình gọi vào điện thoại di động hiệu Nokia 105 của H rủ H cùng đi cướp giật tài sản. H đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1-618.89 đi đến. Sau đó, H điều khiển xe chở L chạy phía trước để cướp giật tài sản. Còn T điều khiển xe mô tô Honda Sonic biển số 84F1-278.93 chở Q đi theo sau để cảnh giới, cản người truy đuổi. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm đến đoạn đường quốc lộ 13 thuộc khu phố 3, phường T thì phát hiện chị Nguyễn Thị X đang điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 61G1-365.11 chạy phía trước cùng chiều, trên бага phía trước xe có để 01 giỏ xách. Lúc này, H điều khiển xe chạy áp sát vào xe mô tô của chị X để L dùng tay phải giật lấy túi xách của chị X rồi H điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Trên đường đi, L lục tìm trong túi xách lấy được 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh và số tiền 60.000 đồng. L cất giữ tiền, đưa điện thoại di động vừa cướp được cho T cất giữ, còn giỏ xách thì L vứt bỏ trên đường, rồi tiếp tục cùng cả nhóm đi tìm tài sản để cướp giật.

- Vụ 2: Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường giao thông nông thôn thuộc tổ 5, khu phố 3, phường T, thị xã B thì L, H, T và Q phát hiện chị Nguyễn Thị Nhã T đang điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 61G1-481.58 chạy phía trước cùng chiều, trên giỏ бага phía trước xe có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1K màu đỏ. Lúc này, H điều khiển xe áp sát vào xe của chị T để L dùng tay phải giật lấy điện thoại rồi H điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Chị T tri hô “Cướp, cướp..” thì T điều khiển xe mô tô Honda Sonic biển số 84F1-278.93 chở Q chạy lên chỗ chị T giả vờ hỏi thăm để đánh lạc hướng cho H và L chạy thoát. Sau đó, T điều khiển xe chở Q chạy theo kịp L và H thì L đưa điện thoại vừa cướp được cho Q cất giữ.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe mô tô chở Q tới đoạn đường N, khu phố A, phường H, thị xã B, Bình Dương thì bị lực lượng công an kiểm tra bắt giữ. Sau đó, lực lượng Công an truy bắt được L và H tại khu vực phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, L và H còn khai nhận: Trong ngày 25/4/2022, cả hai còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 02 vụ, cụ thể như sau:

- Vụ 1: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 25/4/2022, H điều khiển xe mô tô biển số 66M1-618.89 chở L đến tiệm tạp hóa N, cạnh đường D thuộc khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương do chị Tô Thị G làm chủ để mua đồ. Khi đến nơi, cả hai đi vào bên trong hỏi mua bánh kẹo, nước suối và 01 cái hột quẹt. Trong lúc chị G đang lấy đồ để bán, H nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu

OPPO A52 màu đen của chị G để trên quầy của tiệm thì nói L lấy trộm điện thoại của chị G. Lợi dụng lúc chị G không để ý, L lén lút lấy trộm điện thoại, bỏ vào túi quần rồi cả hai đi ra ngoài điều khiển xe tẩu thoát.

- Vụ 2: Sau khi lấy trộm được điện thoại của chị G, H điều khiển xe mô tô biển số 66M1-618.89 chở L đi đến khu vực phường H, thị xã B thì cả hai nhìn thấy 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô chạy trên đường, trên hộc bên trái xe có để 01 điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu xanh. H điều khiển xe chạy áp sát vào xe do người phụ nữ điều khiển để L dùng tay phải giật lấy điện thoại OPPO A52 màu xanh rồi H điều khiển xe tăng ga chạy thoát.

Sau đó, L và H đem 02 điện thoại chiếm đoạt được đến bán cho một tiệm điện thoại (không rõ địa chỉ) được 5.200.000 đồng. L lấy 2.700.000 đồng và chia cho H 2.500.000 đồng. T có được cả hai đã tiêu xài hết.

Toàn bộ các vật chứng thu giữ bao gồm:

- 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A1K màu đỏ, gắn sim số 0942.954.090.
- 01 Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ-trắng, biển số 84F1- 278.93.
- 01 Điện thoại di động hiệu Readme màu xanh, gắn sim số 0925.459.318.
- 01 Điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh, gắn sim số 036.3329.157 của Q.
- 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng trắng, gắn sim số 036.3329.157 của T.
- 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Trung Q.
- 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Thanh T.
- 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Trung Q.
- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Trung Q.
- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô Honda Sonic biển số 84F1-278.93.
- Số tiền 218.000 đồng thu giữ của T.
- Số tiền 227.000 đồng thu giữ của Q.
- 01 Xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1 – 618.89.
- 01 Chứng minh nhân dân tên Lê Khánh L.
- 02 Chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1 – 618.89 (01 bản chính, 01 bản photo);
- Số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của L.
- 01 điện thoại di động Vivo màu xanh của L.
- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lê Khánh L.
- 01 Điện thoại di động Nokia 105 màu đen của H.
- 01 Căn cước công dân của Nguyễn Lê Trung H (bản phô tô).

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu đen trị giá 2.400.000 đồng.

Theo các Bản Kết luận định giá tài sản số 50, 51 ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1K màu đỏ trị giá 966.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Readme màu xanh trị giá 174.000 đồng.

Ngày 12/9/2022, ngày 13/9/2022 và ngày 22/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã xử lý vật chứng và giao trả:

- 01 Điện thoại di động hiệu Oppo A1K màu đỏ cho chị Nguyễn Thị Nhã T. Chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.
- 01 Điện thoại di động hiệu Readme màu xanh và 60.000 đồng cho chị Nguyễn Thị X. Chị X đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.
- 01 Căn cước công dân và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng trắng gắn sim số 0363329157 cho T.
- 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho L.
- 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân và 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh, gắn sim số 036332957 cho Q.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Khánh L và Nguyễn Lê Trung H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Trung Q và Nguyễn Thanh T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Khánh L mức hình phạt tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Trung H mức hình phạt tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ-trắng, biển số 84F1- 278.93; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 84F1-278.93; 01 Xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1 – 618.89; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66M1 – 618.89; 01 Điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh và 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen.

Quản thủ để bảo đảm cho việc thi hành án đối với số tiền thu giữ của bị cáo T là 218.000 đồng (hai trăm mười tám nghìn đồng), của bị cáo Q là 227.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy nghìn) và của bị cáo L là 2.240.000 đồng (hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 13 giờ 30 phút, ngày 27/4/2022, Lê Khánh L, Nguyễn Trung Q, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Lê Trung H đã có hành vi điều khiển xe mô tô chở nhau để thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản, trong đó: Vụ thứ nhất, chiếm đoạt được 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh trị giá 174.000 đồng và số tiền 60.000 đồng của chị Nguyễn Thị X đang điều khiển xe mô tô trên đoạn đường quốc lộ 13 thuộc khu phố 3, phường T, thị xã B; vụ thứ hai, chiếm đoạt được 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1K màu đỏ trị giá 966.000 đồng của chị Nguyễn Thị Nhã T đang điều khiển xe mô tô trên đoạn đường giao thông nông thôn thuộc tổ 5, khu phố 3, phường T, thị xã B.

Ngoài ra, khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 25/4/2022, tại tiệm tạp hóa N, cạnh đường D thuộc khu phố 3, phường T, thị xã B, Lê Khánh L và Nguyễn Lê Trung H còn có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu đen trị giá 2.400.000 đồng của chị Tô Thị G. Sau đó, cả hai đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài hết.

[2.2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Xét về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi cướp giật tài sản của người khác và hành vi lén lút trộm tài sản của người khác do bị cáo L và bị cáo H thực hiện đều bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị. Nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động nên các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

[2.3] Hành vi của các bị cáo Lê Khánh L và Nguyễn Lê Trung H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung Q và Nguyễn Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBC ngày 04/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

[3.1] Đối với hành vi “Cướp giật tài sản”, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó L có vai trò chủ mưu, đề xuất việc phạm tội; H điều khiển xe mô tô chở L cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; Q và T có vai trò giúp sức cảnh giới, ngăn cản bị hại để L và H chạy thoát.

[3.2] Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của L và H, các bị cáo thực hiện tội phạm cũng với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó H có vai trò chủ mưu, đề xuất, L là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó cần áp dụng quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo cho các bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo đều phạm tội 02 lần nên các bị cáo cùng phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo L có ông nội là người có công với Cách mạng, bị cáo T có bà cố nội là mẹ Việt Nam Anh Hùng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho riêng bị cáo T và bị cáo L.

[5] Ngoài ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân của các bị cáo như sau:

Bị cáo L có nhân thân xấu: Ngày 30/11/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2020, chấp hành xong án phí ngày 11/02/2020.

Bị cáo Q có nhân thân xấu: Ngày 01/10/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/4/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù, đã chấp hành xong án phí ngày 11/6/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2019.

Bị cáo H có 01 tiền sự: Ngày 10/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 12/12/2021.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Các vật chứng bao gồm: 01 Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ-trắng, biển số 84F1- 278.93 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1 – 618.89 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại

di động Vivo màu xanh thu giữ của bị cáo L; 01 Điện thoại di động Nokia 105 màu đen thu giữ của bị cáo H. Toàn bộ các vật chứng này đều là tài sản các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với số tiền 218.000 đồng thu giữ của T, số tiền 227.000 đồng thu giữ của Q và số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của L (trong đó có 60.000 đồng chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị X do L cất giữ), tổng cộng là 2.745.000 đồng, 60.000 đồng trong số tiền thu giữ của L đã được giao trả cho bị hại X. Số tiền còn lại là 2.685.000 đồng (trong đó: Tiền thu giữ của T là 218.000 đồng, của Q là 227.000 đồng và của L là 2.240.000 đồng). Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên quản thủ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[7.3] Đối với bản phô tô Chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1-618.89 và bản phô tô căn cước công dân của Nguyễn Lê Trung H đã được lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về điều khoản áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị cáo T có vai trò là đồng phạm giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt nên xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo T là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

[9] Đối với hành vi của H điều khiển xe mô tô chở L cướp giật điện thoại di động vào ngày 25/4/2022, hiện nay vẫn chưa xác định được bị hại và không thu giữ được tài sản chiếm đoạt. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Khánh L và Nguyễn Lê Trung H phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung Q và Nguyễn Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ

sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Khánh L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Khánh L 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Khánh L phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2022.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Trung H 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Trung H 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Lê Trung H phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2022.

2.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2022.

2.4. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đỏ-trắng, biển số 84F1- 278.93 số khung: MH1BK1116LK278324, số máy: BK11E1277963;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Honda Sonic biển số 84F1- 278.93;

- 01 (một) Xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66M1 – 618.89, số khung MH8DL11ANLJ104204, số máy CGA1604206;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66M1 – 618.89;

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh;
- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Tuyên quản thủ để bảo đảm cho việc thi hành án đối với số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh T là 218.000 đồng (hai trăm mười tám nghìn đồng), của bị cáo Nguyễn Trung Q là 227.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy nghìn) và của bị cáo Lê Khánh L là 2.240.000 đồng (hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Theo Giấy nộp tiền vào Tài khoản số 3949.0.1046035 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã B, tỉnh Bình Dương ngày 14/02/2023)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Thanh Nhân

Nguyễn Thị Thắm

Đỗ Thị Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Nhung

